

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 242/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị NH**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm B, xã MT, huyện TS, tỉnh PT;

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lã Thành Công trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh PT

Bị đơn: Anh **Phùng Văn TH**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xóm B, xã MT, huyện TS, tỉnh PT;

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đoàn Hữu Văn trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh PT.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngân hàng nông nghiệp huyện TS, tỉnh PT. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H phó giám đốc chi nhánh huyện TS, tỉnh PT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị NH và anh Phùng Văn TH.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

+ *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Chị NH và anh TH có 02 (hai) con chung là cháu Phùng Văn Q, sinh ngày 09/12/1994, cháu Phùng Minh T, sinh

ngày 15/8/1996. Các cháu đã thành niên nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về công nợ vay, và cho vay:* Chị NH và anh TH xác nhận vợ chồng còn nợ ngân hàng nông nghiệp huyện TS, tỉnh PT số tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận anh TH có trách nhiệm trả cho ngân hàng nông nghiệp huyện TS, tỉnh PT là 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo khế ước vay cho đến khi trả hết nợ.

+ *Về án phí:* Chị Hoàng Thị NH tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho chị NH số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số : AA/2019/ 0003028 ngày 23/11/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh PT.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- UBND xã MT, huyện TS, tỉnh PT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Bộ